

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-PT

Ngày: 31-5-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp vốn (hợp tác)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Thúy Hà

2. Ông Trương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 278/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp vốn (hợp tác)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2022/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2022/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 10/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 42/2023/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Mỹ D, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Phường H, quận N, thành phố C. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Mỹ D là:

1. Ông Trần Văn A, sinh năm 1990; (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

3. Ông Trần Vũ Thanh T, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Phường H, quận N, thành phố C.

- *Bị đơn*: Ông Võ Hoàng C, sinh năm 1976; nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh AG. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Minh T1, sinh năm 1977, nơi cư trú: phường A, quận N, thành phố C. (Vắng mặt khi tuyên án)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Hồ Thị Xuân T, sinh năm 1975; nơi cư trú: phường A, quận N, thành phố C. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Võ Hoàng C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án nguyên đơn do ông Trần Văn A đại diện trình bày:

Bà Trương Mỹ D và ông Võ Hoàng C là bạn bè thân thiết. Vào năm 2018 do cần vốn làm ăn nên ông C có hỏi vay mượn tiền của bà D. Vì vậy, bà D đã cho ông C mượn tổng số tiền hơn 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) không lãi suất, không kỳ hạn, không lập hợp đồng vay. Việc giao nhận tiền được thực hiện như sau:

- Số tiền 1.550.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) được bà D nhờ bà Hồ Thị Xuân T chuyển khoản (thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ) cho ông Võ Hoàng C với các lần chuyển khoản như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 11 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản cho ông C 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

+ Lần 2: Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản cho ông C 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

+ Lần 3: Vào ngày 13 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản cho ông C 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

+ Lần 4: Vào ngày 18 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản cho ông C 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)

+ Lần 5: Vào ngày 21 tháng 01 năm 2019, chuyển khoản cho ông C 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

- Số tiền còn lại là 2.450.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) được bà D giao trực tiếp cho ông C. Do thời gian đã lâu nên bà D không nhớ rõ chi tiết giao vào thời gian nào, chỉ nhớ từ khoảng tháng 12 năm 2018 đến tháng 04 năm 2019, việc giao nhận tiền cũng không lập biên nhận, vì quá thân thiết và tin tưởng để ông C an tâm kinh doanh.

Đến khoảng giữa năm 2019, khi có nhu cầu vốn thì bà D có thông báo với ông C về việc thanh toán nợ và ông C hứa sẽ trả trong năm 2020. Tuy nhiên, cho đến đầu năm 2021 thì ông C vẫn chưa thanh toán. Bà D đã nhiều lần liên hệ bằng nhiều hình thức nhưng ông C né tránh, hứa hẹn chứ không chịu thanh toán cho bà D. Nay bà D

khởi kiện yêu cầu ông C trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) và lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Số tiền lãi tạm tính đến ngày 08 tháng 7 năm 2021 là 207.777.777 đồng (hai trăm linh bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của ông C và các tài liệu, chứng cứ ông C cung cấp thì bà D không đồng ý. Bà D vẫn xác định số tiền 1.550.000.000 đồng là tiền cho ông C mượn để làm ăn kinh doanh, không phải là tiền hùn vốn để kinh doanh nhà hàng như ông C trình bày. Ngoài số tiền đã chuyển khoản theo các chứng từ cung cấp, thì bà D đã giao cho ông C mượn tiền rất nhiều lần, tổng cộng là 2.450.000.000 đồng giao trực tiếp.

Bị đơn ông Võ Hoàng C trình bày:

Ông và bà D quen biết lâu năm từ những năm học đại học cho đến nay vẫn còn liên lạc. Vào khoảng tháng 12 năm 2018, ông C có biết việc chủ nhà hàng Đồng Quê sang nhượng nhà hàng nên ông có đến xem thử, thấy có cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, ông không đủ khả năng, ông có nhắn tin cho bà D về việc này. Sau đó thì bà D cùng ông khảo sát và bà D đồng ý góp vốn cùng ông kinh doanh nhà hàng, và bà D ở phía sau hỗ trợ, còn mọi hoạt động điều hành đều do ông quyết định. Tất cả nội dung thỏa thuận đều trên tin nhắn, điện thoại chứ không có lập thành văn bản. Vì cận Tết cần làm nhanh để kịp khai trương, nên bà D đã 05 lần chuyển tiền cho ông C, tổng cộng 1.550.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 11 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)
- Lần 2: Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)
- Lần 3: Vào ngày 13 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)
- Lần 4: Vào ngày 18 tháng 12 năm 2018, chuyển khoản 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)
- Lần 5: Vào ngày 21 tháng 01 năm 2019, chuyển khoản 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

Khi chuyển tiền bà D nói đây là tiền sạch, ông C cứ an tâm kinh doanh, hoàn toàn không nói là tiền cho ông C vay. Với số tiền bà D góp và tiền mặt ông C có lúc đó khoảng 780.000.000 đồng thì ông C đã dùng vào các khoản sau: Đặt cọc hợp đồng thuê đất 105.000.000 đồng; Thanh lý toàn bộ trang thiết bị, công cụ, tài sản của nhà hàng: 300.000.000 đồng; Sửa chữa 17 phòng khách sạn: 119.000.000 đồng; Mua thêm dụng cụ bếp: 27.000.000 đồng; Sửa chữa, lắp đặt mới thiết bị, công cụ, tài sản của nhà hàng: 495.000.000 đồng; Sửa chữa, thay thế, lắp mới hệ thống điện: 107.000.000 đồng; Các khoản khác: 94.000.000 đồng; Mua mai, lan, lộc vùng, hồng và cây cảnh trang bị nhà hàng: 139.000.000 đồng. Tổng cộng hơn 1.386.000.000 đồng

Trong quá trình kinh doanh từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 04 năm 2020 thì

đã thua lỗ hết 1.200.000.000 đồng. Việc kinh doanh nhà hàng thua lỗ ông không trốn tránh trách nhiệm mà ngược lại đã nhiều lần đưa ra cách giải quyết nhưng bà D không đồng tình, chỉ muốn lấy lại toàn bộ số tiền đã góp và tiền lãi, có lúc thì chịu phần lỗ 05 tháng, còn chi phí đầu tư thì không chịu, việc này thật sự rất khó khăn cho ông C. Ông không có khả năng thanh toán theo yêu cầu của bà D. Giữa ông C và bà D còn phát sinh tặng quà cho nhau các dịp lễ, tết nhưng chưa từng phát sinh khoản vay nào. Nên ông không biết khoản tiền bà D nêu khi khởi kiện là ở đâu ra.

Ông C có yêu cầu phản tố, yêu cầu xác định số tiền 1.550.000.000 đồng mà bà D chuyển cho ông là tiền hùn vốn kinh doanh nhà hàng Đồng Quê. Việc kinh doanh thua lỗ thì hai bên cùng chịu trách nhiệm. Ông không đồng ý hoàn lại số tiền mà bà D đã yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Ông chỉ đồng ý hoàn lại số tiền như sau:

- Phần lỗ do kinh doanh chia đôi: $1.282.000.000 \text{ đồng} : 2 = 641.000.000 \text{ đồng}$;
- Phần đầu tư mua sắm bà D chịu 30% là: $1.386.000.000 \text{ đồng} \times 30\% = 415.000.000 \text{ đồng}$;

Như vậy, ông C đồng ý trả lại cho bà D phần tiền đã nhận sau khi tính toán lỗ nhà hàng là: $1.550.000.000 \text{ đồng} - (641.000.000 \text{ đồng} + 415.000.000 \text{ đồng}) = 494.000.000 \text{ đồng}$. Ông yêu cầu được trả chậm trong 03 năm, do hiện nay ông mất khả năng thanh toán, chỉ có nguồn thu nhập duy nhất là lương, hiện ông còn phải nuôi mẹ già, con nhỏ và hai cháu, trả nợ 02 ngân hàng.

Trước đây trong đơn yêu cầu phản tố ông có trình bày về việc giữa ông và chủ đất nhà hàng Đồng Quê có tranh chấp số tiền và tài sản trị giá 378.000.000 đồng (tiền cọc thuê đất, tài sản của nhà hàng), nếu thu hồi được bao nhiêu thì ông sẽ giao hết cho bà D. Nhưng đây là thiện chí của ông, chứ đối với số tiền 378.000.000 đồng này đã được ông cộng vào phần đầu tư mua sắm 1.386.000.000 nêu trên để chia tỷ lệ cho bà D chịu 30%, còn ông phải chịu 70% để tính toán số tiền ông phải hoàn trả cho bà D như đã nêu trên rồi. Vì vậy, ông rút lại ý kiến trình bày này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Xuân T: vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông Trần Văn A đại diện cho bà Trương Mỹ D trình bày: bà D xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.450.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Đối với số tiền 1.550.000.000 đồng, là bà D cho ông C mượn vì giữa hai người có quan hệ tình cảm yêu đương nên mới không lập thành văn bản, cho mượn không thời hạn, không lãi suất. Ông C nói số tiền này là bà D góp vốn kinh doanh nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, không có trình bày được tỷ lệ góp vốn, thỏa thuận phân chia lời lỗ. Các chứng cứ ông cung cấp thì ông phải có nghĩa vụ chứng minh chứng cứ đó là đúng, hợp pháp. Việc bà D ký vào các chứng

từ thu chi không thể hiện việc góp vốn mà chỉ muốn thể hiện là người yêu của chủ nhà hàng.

- Ông Võ Hoàng C trình bày: các tài liệu, chứng cứ ông cung cấp đều thể hiện việc bà D có tham gia hoạt động quản lý nhà hàng từ đầu tư xây dựng ban đầu, thu chi, ngay cả nhân viên nhà hàng cũng do bà D đưa từ Cần Thơ lên làm việc. Nếu không có góp vốn thì làm sao có việc tham gia quản lý nhà hàng. Ngoài ra còn có các tin nhắn zalo thể hiện việc góp vốn và bà D cũng đồng ý cùng chịu trách nhiệm thua lỗ nhưng chỉ chịu đến ngày 15 tháng 5 năm 2019; tài khoản zalo chứa các tin nhắn mà ông C cung cấp cho Tòa án là tài khoản chính chủ của bà D, bằng số điện thoại chính chủ của bà D. Các chi phí đầu tư ban đầu, sổ sách thu chi, tính toán lợi nhuận, thua lỗ là do kế toán của nhà hàng Đồng Quê tính dựa trên các hóa đơn mua sắm, hoạt động hằng ngày của nhà hàng mà có. Vì vậy, ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2022/DS-ST, ngày 21-10-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Mỹ D đối với ông Võ Hoàng C về việc trả số tiền 1.550.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả.

Buộc ông Võ Hoàng C có nghĩa vụ trả cho bà Trương Mỹ D số tiền 1.834.166.667 đồng (một tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: số tiền vốn gốc là 1.550.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), số tiền lãi tạm tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2022 là 284.166.667 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Mỹ D đối với ông Võ Hoàng C về việc trả số tiền 2.450.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Hoàng C đối với bà Trương Mỹ D về hợp đồng góp vốn (hợp tác).

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 02/11/2022, ông Võ Hoàng C kháng cáo: Yêu cầu hủy án bản sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng vụ án: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án: Đại diện nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận tại tòa, sửa bản án sơ thẩm, án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Võ Hoàng C trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Trần Văn A đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Võ Hoàng C thống nhất thỏa thuận như sau: ông Võ Hoàng C phải trả số tiền 1.550.000.000 đồng cho bà Trương Mỹ D, ông C không phải trả lãi khoản tiền này; ông C sẽ không yêu cầu bà D phải chịu các khoản lỗ trong việc góp vốn hoạt động nhà hàng Đông Quê và không yêu cầu khấu trừ các khoản tiền mà ông C đã chuyển tiền thanh lý tài sản nhà hàng Đông Quê vào tài khoản của bà D.

Về án phí, ông C chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Từ những thỏa thuận trên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, người đại diện của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2022/DS-ST, ngày 21-10-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;

Tuyên xử:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án giữa ông Trần Văn A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Mỹ D với bị đơn ông Võ Hoàng C.

Ông Võ Hoàng C phải trả số tiền 1.550.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Trương Mỹ D, ông C không phải trả lãi cho khoản tiền này; ông C sẽ không yêu cầu bà D phải chịu các khoản lỗ trong việc góp vốn hoạt động nhà hàng Đông Quê và không yêu cầu khấu trừ các khoản tiền mà ông C đã chuyển tiền thanh lý tài sản nhà hàng Đông Quê vào tài khoản của bà D.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Mỹ D không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 56.104.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm linh bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000605 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Ông Võ Hoàng C phải chịu án phí sơ thẩm là: 58.500.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 12.350.000 đồng theo biên lai thu số 0001395 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên; ông C còn phải nộp tiếp số tiền: 46.150.000 đồng

Án phí phúc thẩm dân sự: Ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 300.000đ án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số: 0000992 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm số 197/2022/DS-ST ngày 21-10-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- TAND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

